TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Huy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã An Bình Tây, huyện B, tỉnh B

2. Bị đơn: Anh Lê Minh H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã An Thủy, huyện B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M trình bày:

Chị và anh Lê Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình Tây, huyện B, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do hai bên tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến cự cãi. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Từ tháng 10 năm 2018 thì hai bên đã chính thức sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian chính thức sống ly thân với nhau thì hai bên đã không còn liên lạc để hàn gắng tình cảm và cũng không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định đã không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: có 01 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 15/10/2017 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Lê Minh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết M đối với anh Lê Minh H. Giao con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 15/10/2017 cho chị Trần Thị Tuyết M tiếp tục nuôi dưỡng và chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Minh H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Lê Minh H kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình Tây, huyện B, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình

chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, yêu cầu của chị M được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay thì chị M xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắng tình cảm nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh H đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, theo xác minh tại địa phương thì hiện nay giữa chị M và anh H đã chính thức sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân thì hai bên đã không còn liên lạc với nhau để hàn gắng tình cảm vợ chồng. Gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các thành viên trong gia đình. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trong quá trình chung sống với nhau, chị M và anh H có 01 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 15/10/2017 hiện đang sống cùng với chị M. Chị M cho rằng chị có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con chung nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con. Hiện tại con chung của chị M và anh H đang sống với chị M, có cuộc sống và sinh hoạt ổn định. Hơn nữa, cháu Lê Hoàng A hiện nay dưới 36 tháng tuổi, cần được sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp từ người mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng A sẽ đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh Lê Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Tuyết M tự nguyện không yêu cầu anh Lê Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết M được ly hôn với anh Lê Minh H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Hoàng A, sinh ngày 15/10/2017 cho chị Trần Thị Tuyết M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Tuyết M không yêu cầu anh Lê Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001857 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B. Chị Trần Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị Tuyết M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Trường **Trịnh Thị Hồng Thắm** **Phạm Văn Long**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B, tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh B;
- UBND xã An Bình Tây, huyện B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long